

## HƯỚNG DẪN GIẢI CHI TIẾT

## ĐỀ 4

## I. TRẮC NGHIỆM

**Câu 1.** Chọn đáp án đúng: Số 18 235 141 đọc là:

- A. Mười tám triệu hai trăm ba lăm nghìn một trăm bốn mốt
- B. Mười tám triệu hai trăm ba mươi lăm nghìn một trăm bốn mốt
- C. Mười tám triệu hai trăm ba mươi lăm nghìn một trăm bốn mươi mốt
- D. Mười tám triệu hai trăm ba lăm nghìn một trăm bốn mươi mốt

**Phương pháp**

Đọc số: Dựa vào cách đọc số có tới ba chữ số theo từng lớp, lần lượt từ lớp triệu, lớp nghìn, lớp đơn vị.

**Lời giải**

Số 18 235 141 đọc là: Mười tám triệu hai trăm ba mươi lăm nghìn một trăm bốn mươi mốt

**Chọn C**

**Câu 2.** Làm tròn số 73 523 625 đến hàng trăm nghìn ta được số:

- A. 73 500 000
- B. 73 600 000
- C. 73 400 000
- D. 73 520 000

**Phương pháp**

Khi làm tròn số đến hàng trăm nghìn, ta so sánh chữ số hàng chục nghìn với 5.

Nếu chữ số hàng chục nghìn bé hơn 5 thì làm tròn xuống, còn lại thì làm tròn lên.

**Lời giải**

Làm tròn số 73 523 625 đến hàng trăm nghìn ta được số: 73 500 000 (vì chữ số hàng chục nghìn là  $2 < 5$ , làm tròn xuống)

**Chọn A**

**Câu 3.** Chữ số 6 trong số 16 752 164 thuộc hàng ....., lớp .....

- A. Hàng triệu, lớp nghìn
- B. Hàng trăm nghìn, lớp nghìn
- C. Hàng triệu, lớp triệu
- D. Hàng chục triệu, lớp triệu

**Phương pháp**

Xác định hàng và lớp của chữ số 6 trong số đã cho.

**Lời giải**

Chữ số 6 trong số 16 752 164 thuộc hàng **triệu**, lớp **triệu**

**Chọn C**

**Câu 4.** Nhà toán học Lê Văn Thiêm là tiến sĩ toán học đầu tiên của Việt Nam, ông sinh năm 1917.

Ông sinh vào thế kỉ thứ mấy?

- A. Thế kỉ XIX                      B. Thế kỉ XX                      C. Thế kỉ XXI                      D. Thế kỉ XIV

**Phương pháp**

Từ năm 1901 đến năm 2000 là thế kỉ XX.

**Lời giải**

Nhà toán học Lê Văn Thiêm là tiến sĩ toán học đầu tiên của Việt Nam, ông sinh năm 1917. Ông sinh vào thế kỉ XX.

**Chọn B**

**Câu 5.** Số liền trước của số chẵn lớn nhất có chín chữ số là:

- A. 999 999 999                      B. 999 999 997  
C. 999 999 998                      D. 1 000 000 000

**Phương pháp**

- Tìm số chẵn lớn nhất có chín chữ số
- Số liền trước của một số thì bé hơn số đó 1 đơn vị

**Lời giải**

Số chẵn lớn nhất có chín chữ số là 999 999 998

Vậy số liền trước của số chẵn lớn nhất có chín chữ số là 999 999 997

**Chọn B**

**Câu 6.** Tư thế của bạn Dũng trong hình vẽ tạo thành góc:



- A. Góc vuông                      B. Góc bẹt                      C. Góc nhọn                      D. Góc tù

**Phương pháp**

Góc nhọn bé hơn góc vuông

Góc tù lớn hơn góc vuông

Góc bẹt bằng 2 lần góc vuông

**Lời giải**

Tư thế của bạn Dũng trong hình vẽ tạo thành góc nhọn.

**Chọn C**

**Câu 7.** Với  $a$  là số chẵn lớn nhất có 1 chữ số thì biểu thức:  $1\ 000 + 3 \times a$  có giá trị là:

- A. 1 003                      B. 8 024                      C. 1 027                      D. 1 024

**Phương pháp**

- Tìm số chẵn lớn nhất có 1 chữ số
- Thay chữ bằng số vào biểu thức rồi tính giá trị của biểu thức đó

**Lời giải**

Số chẵn lớn nhất có 1 chữ số là 8.

Với  $a = 8$  thì  $1\ 000 + 3 \times a = 1\ 000 + 3 \times 8 = 1\ 024$

**Chọn D****II. TỰ LUẬN**

**Câu 1.** Đúng ghi Đ, sai ghi S:

- Dãy số 101, 102, 103, 104, ... là dãy số tự nhiên. ....
- Số tự nhiên lớn nhất là 999 999 999. ....
- Giá trị của chữ số 7 trong số 57 932 145 là 7 000 000. ....
- Làm tròn số 148 560 đến hàng trăm nghìn thì được số 200 000. ....

**Phương pháp**

- Dãy số 0, 1, 2, 3, .... là dãy số tự nhiên
- Không có số tự nhiên lớn nhất
- Xác định hàng của chữ số 7 trong số đã cho từ đó xác định được giá trị của chữ số đó.
- Khi làm tròn số đến hàng trăm nghìn, ta so sánh chữ số hàng chục nghìn với 5.  
Nếu chữ số hàng chục nghìn bé hơn 5 thì làm tròn xuống, còn lại thì làm tròn lên.

**Lời giải**

- Dãy số 101, 102, 103, 104, ... là dãy số tự nhiên. **S**
- Số tự nhiên lớn nhất là 999 999 999. **S**
- Giá trị của chữ số 7 trong số 57 932 145 là 7 000 000. **Đ**
- Làm tròn số 148 560 đến hàng trăm nghìn thì được số 200 000. **S**

**Câu 2.** Điền số thích hợp vào chỗ chấm.

- a) 6 tấn 245 kg = ..... kg
- b) 8 tạ 25 yến = ..... kg
- c)  $7\text{ dm}^2\ 9\text{ cm}^2 = \dots\dots\dots\text{ cm}^2$
- d)  $15\text{ m}^2\ 3\text{ dm}^2 = \dots\dots\dots\text{ dm}^2$

**Phương pháp**

Áp dụng cách đổi: 1 tấn = 1 000 kg

1 tạ = 100 kg, 1 yến = 10 kg

1 dm<sup>2</sup> = 100 cm<sup>2</sup> ; 1 m<sup>2</sup> = 100 dm<sup>2</sup>

### Lời giải

a) 6 tấn 245 kg = **6 245** kg

b) 8 tạ 25 yến = 800 kg + 250 kg = **1 050** kg

c) 7 dm<sup>2</sup> 9 cm<sup>2</sup> = **709** cm<sup>2</sup>

d) 15 m<sup>2</sup> 3 dm<sup>2</sup> = **1 503** dm<sup>2</sup>

**Câu 3.** Bạn Duyên đến cửa hàng văn phòng phẩm mua 5 quyển vở ô li, mỗi quyển vở có giá 10 500 đồng và mua 3 chiếc bút chì, mỗi chiếc có giá 8 500 đồng. Hỏi Duyên phải trả người bán hàng bao nhiêu tiền?

### Phương pháp

- Tìm giá tiền mua 5 quyển vở = Giá tiền mua 1 quyển vở x 5
- Tìm giá tiền mua 3 chiếc bút chì = Giá tiền mua 1 bút chì x 3
- Tìm số tiền Duyên phải trả người bán hàng

### Lời giải

Giá tiền mua 5 quyển vở là:

$$10\,500 \times 5 = 52\,500 \text{ (đồng)}$$

Giá tiền mua 3 chiếc bút chì là:

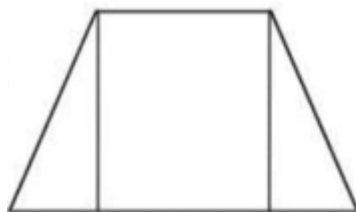
$$8\,500 \times 3 = 25\,500 \text{ (đồng)}$$

Duyên phải trả người bán hàng số tiền là:

$$52\,500 + 25\,500 = 78\,000 \text{ (đồng)}$$

Đáp số: 78 000 đồng

**Câu 4.** Hình vẽ bên có:



..... góc nhọn

..... góc vuông

..... góc tù

### Phương pháp

Quan sát hình vẽ rồi đếm số góc nhọn, góc vuông, góc tù

**Lời giải**

Hình vẽ bên có:

4 góc nhọn

6 góc vuông

2 góc tù

**Câu 5.** Từ 8 chữ số bên, em hãy lập số lớn nhất và số bé nhất có 8 chữ số khác nhau.



**Phương pháp**

Lập số lớn nhất và số bé nhất có 8 chữ số khác nhau từ 8 chữ số đã cho.

**Lời giải**

Số lớn nhất có 8 chữ số khác nhau lập từ 8 chữ số đã cho là: 98 654 210

Số bé nhất có 8 chữ số khác nhau lập từ 8 chữ số đã cho là: 10 245 689

-----HẾT-----